

VĂN HÓA VÀ VĂN MINH, GIÁ TRỊ VÀ CON NGƯỜI - NHỮNG KHÁI NIỆM CÔNG CỤ CHỦ YẾU TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI

(tiếp theo và hết)

HỒ SĨ QUÝ^(*)
tổng thuật

III. Giá trị và giá trị truyền thống

1. Định nghĩa khái niệm *Giá trị* của *Từ điển bách khoa triết học*: “Giá trị là thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong các tài liệu triết học và xã hội học dùng để chỉ ý nghĩa văn hóa và xã hội của các hiện tượng. Về thực chất, toàn bộ sự đa dạng của hoạt động người, của các quan hệ xã hội, bao gồm cả những hiện tượng tự nhiên có liên quan, có thể được thể hiện là các "giá trị khách quan" với tính cách là khách thể của quan hệ giá trị, nghĩa là, được đánh giá trong khuôn thước của thiện và ác, chân lý và sai lầm, đẹp và xấu, được phép và cấm kỵ, chính nghĩa và phi nghĩa, v.v...

Khi định hướng đối với hoạt động của con người, phương thức và tiêu chuẩn được dùng làm thể thức đánh giá sẽ định hình trong ý thức xã hội và trong văn hóa thành các "giá trị chủ quan" (bảng đánh giá, mệnh lệnh và những điều cấm, mục đích và ý đồ... được thể hiện dưới hình thức các chuẩn

mục). Giá trị khách quan và giá trị chủ quan là hai cực của quan hệ giá trị của con người với thế giới” (19, tr.732-733).

2. Định nghĩa khái niệm *Giá trị* của *Bách khoa thư văn hóa học thế kỷ XX*: “Giá trị là thành phần quan trọng nhất của văn hóa con người bên cạnh các chuẩn mực và các lý tưởng. Sự tồn tại của giá trị bắt rễ sâu trong tính tích cực của chủ thể sáng tạo văn hóa, trong sự đối thoại của chủ thể sáng tạo với người khác. Giá trị định hướng không chỉ đối với các lĩnh vực hiện tồn mà còn đối với cả các ý nghĩa và các chuẩn mực có thể” (20).

3. Định nghĩa khái niệm *Giá trị* của Cl. Kluckhohn: “Giá trị là quan niệm về điều mong muốn đặc trưng hiện hay ẩn cho một cá nhân hay một nhóm và ảnh hưởng tới việc chọn các phương thức, phương tiện hoặc mục tiêu của hành động” (trích theo: 21, tr.156).

^(*) GS. TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội.

4. *Truyền thống*, dù được tiếp cận theo quan điểm nào, cũng đều được hiểu là những hiện tượng văn hoá - xã hội (bao gồm các giá trị, các chuẩn mực giao tiếp, các khuôn mẫu văn hoá, các tư tưởng xã hội, các phong tục, nghi thức xã hội, các thiết chế xã hội, v.v...) được bảo tồn qua năm tháng trong đời sống vật chất và tinh thần của các cộng đồng xã hội khác nhau (nhân loại hoặc giai cấp, dân tộc hoặc liên dân tộc, nhóm xã hội hoặc cá nhân, v.v...) và có thể được chuyển giao từ thế hệ này qua thế hệ khác. Những định nghĩa khác nhau về khái niệm truyền thống tựu trung đều có những nội hàm như trên (11, tr.107).

- Có quan điểm cho rằng, dường như truyền thống nào cũng tốt đẹp và bởi thế nên nó không cần phải được sửa đổi, rằng dường như mọi môi trường văn hoá đều là lành mạnh với tất cả mọi thành viên của nó. Magoroh Maruyama, nhà khoa học luận người Mỹ, Giáo sư Đại học Gakuin, Tokyo, đã phê phán gay gắt và coi quan điểm này đích thực là sai lầm (xem: 22).

- Thực ra, điều này đã được cảnh báo từ rất sớm. Chẳng hạn, Indira Gandhi viết: “Không phải chỉ có sự khôn ngoan mà cả sự điên rồ của các thế kỷ đã qua đè nặng lên chúng ta. Làm người thừa kế là chuyện nguy hiểm” (23). Hay, trước đó nữa, chính K. Marx đã nêu ra tư tưởng rất điển hình cho những đánh giá về khuyết tật và hạn chế của truyền thống: “Truyền thống của tất cả các thế hệ đã chết đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống. Và ngay khi con người có vẻ như là đang ra sức tự cải tạo mình và cải tạo sự vật, ra sức sáng tạo một cái gì chưa từng có, thì chính... họ lại sợ sệt cầu viện đến những linh hồn của quá khứ” (24, tr.145).

IV. Con người và phát triển con người

1. Những định nghĩa tiêu biểu trước Marx về con người

- Con người là thước đo của vạn vật (Protagore).

- *Bẩm sinh*, con người là một động vật chính trị (Aristote).

- Con người - cây sậy biết tư duy. Sự vĩ đại của con người là ở trong phương thức suy nghĩ của nó (Pascal).

- Con người là một giá trị và là giá trị cao nhất (D. Diderot).

- Con người - động vật biết chế tạo công cụ lao động (B. Franklin).

- Con người là một động vật kinh tế (F. W. Taylor).

- Con người là thực thể độc nhất vô nhị. Con người là mục đích tự thân (Kant).

2. Con người và phát triển con người trong quan niệm của Marx

Những nội dung thuộc phần này được trình bày theo cách sử dụng lại những mệnh đề mà Marx và Engels đã dùng. Có thể tìm xuất xứ chính xác của những mệnh đề này trong cuốn "Con người và phát triển con người trong quan niệm của K. Marx và F. Engels" do Hồ Sĩ Quý chủ biên (6).

a. *Con người là thực thể tự nhiên có tính người* (Định nghĩa của K.Marx về con người (25; 26, tr.234; xem thêm: 27)

- Con người là một bộ phận của tự nhiên; giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người.

- Bản chất của con người tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người xã hội.

- Con người - động vật biết chế tạo công cụ lao động. Lao động đã sáng tạo

ra bản thân con người.

- Con người là sản phẩm của lao động.

- Con người - một động vật xã hội.

- Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức đó.

- Con người sinh học không cần sự thừa nhận, con người xã hội phải được sự thừa nhận của người khác.

- Những cá nhân con người hiện thực là tiền đề hiện thực của nhận thức con người. Về sau, khoa học tự nhiên bao hàm trong nó khoa học về con người cũng như khoa học về con người bao hàm trong nó khoa học tự nhiên; đó sẽ là một khoa học.

b. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những mối quan hệ xã hội

- Hegel quy sự tha hoá hiện thực của bản chất con người thành sự tha hoá của tự ý thức. Feuerbach không nhìn thấy bản chất xã hội của con người. Các nhà kinh tế học tư sản cũng không hiểu bản chất con người.

- Đời sống xã hội, về bản chất, là có tính chất thực tiễn. Tất cả những sự thần bí đang đưa lý luận đến chủ nghĩa thần bí đều được giải đáp một cách hợp lý trong thực tiễn của con người và trong sự hiểu biết thực tiễn ấy.

- Con người bẩm sinh đã là một động vật xã hội. Xã hội là sự thống nhất bản chất đã hoàn thành của con người với tự nhiên.

- Xã hội là biểu hiện tổng số những mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân đối với nhau.

- Nếu như con người bẩm sinh đã là sinh vật có tính xã hội thì do đó con người chỉ có thể phát triển bản tính chân chính của mình trong xã hội.

c. Con người - đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều kiện do hoạt động của chính họ tạo ra.

Không thể nhận thức con người bằng tư duy siêu hình.

- Gốc rễ của con người chính là bản thân con người.

- Con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã, rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v...

- Hoạt động sống của con người như thế nào thì họ như thế ấy. Con người là như thế nào, điều đó ăn khớp với sản xuất của họ, với cái mà họ sản xuất ra cũng như với cách mà họ sản xuất.

- Xã hội sản xuất ra con người thế nào thì con người cũng sản xuất ra xã hội như thế.

- Những quan hệ kinh tế - cơ sở xuất phát để giải thích các hiện tượng lịch sử.

- Phân công lao động làm cho con người bị thu nhỏ lại.

- Xã hội tư bản chủ nghĩa - một bước tiến của văn minh nhân loại. Dưới chủ nghĩa tư bản, quan hệ lẫn nhau của toàn bộ nền sản xuất chi phối những người hoạt động trong sản xuất như một quy luật mù quáng.

- Tư tưởng tác động trở lại cơ sở hạ tầng kinh tế và có thể biến đổi cơ sở hạ tầng ấy. Điều này là đương nhiên.

- Quan hệ sản xuất là tất yếu, khách quan đối với con người. Bản thân con người thay đổi và phát triển trong quá trình sản xuất vật chất.

- Tồn tại xã hội của con người quyết định ý thức của nó. Với quan niệm duy vật về lịch sử, chủ nghĩa duy tâm đã bị tống ra khỏi nơi ẩn náu cuối cùng.

- Con người tự làm ra lịch sử một cách có ý thức. Với con người, chúng ta đi vào lịch sử.

d. Xã hội không thể giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho mỗi cá nhân riêng biệt

- Thiên nhiên không sinh ra quan hệ bóc lột. Con người trước hết là kẻ đại biểu cho những quan hệ và những lợi ích giai cấp nhất định.

- Tha hóa biến đời sống có tính loài của con người thành phương tiện để duy trì đời sống cá nhân. Nó làm cho đời sống cá nhân trở thành mục đích của đời sống có tính loài.

- Tha hoá làm cho quan hệ giữa người với người bị biến thành quan hệ giữa vật với vật. Tha hoá làm cho thế giới vật phẩm càng tăng giá trị thì thế giới con người càng mất giá trị.

- Giai cấp hữu sản và giai cấp vô sản đều là sự tha hoá của con người. Xoá bỏ tha hoá, nghĩa là con người từ tôn giáo, gia đình, nhà nước, v.v... quay trở về tồn tại con người.

- Giải phóng chính trị là quy con người, một mặt, thành viên của xã hội công dân, thành cá nhân vị kỷ, độc lập, và mặt khác, thành công dân của nhà nước, thành pháp nhân.

- *Bất kỳ* sự giải phóng nào cũng bao hàm ở chỗ là nó trả thế giới con người,

những quan hệ của con người về với *bản thân con người*.

- Trình độ giải phóng phụ nữ là thước đo tự nhiên của sự giải phóng con người.

e. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người

- Sự phát triển phong phú của bản chất con người, coi như là một mục đích tự thân.

- Con người khẳng định sự tồn tại của mình là tồn tại chính trị.

- Quan niệm về bình đẳng là cái gì cũng được, nhưng quyết không phải là một chân lý vĩnh cửu.

- Có một xã hội mà trong đó sự phát triển độc đáo và tự do của các cá nhân không còn là lời nói suông.

- Làm chủ tự nhiên, xã hội và bản thân – con người trở thành tự do. Từ hưởng theo năng lực đến hưởng theo nhu cầu.

- Vương quốc của tự do chỉ bắt đầu ở nơi nào có sự chấm dứt thứ lao động do cần thiết. Vương quốc của tự do nằm ở bên kia lĩnh vực sản xuất.

- Từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do. Con người bắt đầu tự giác làm ra lịch sử của mình.

3. Phát triển con người

a. Cuối thế kỷ XX, con người lại một lần nữa được coi là chiếm vị trí trung tâm của sự phát triển. Lần này, người ta không nhắc tới Teilhard de Chardin và thuyết Anthropocentrism của ông, cũng không tôn vinh một tư tưởng gia cụ thể nào đó lên tầm "cha đẻ của học thuyết". UNDP được coi là tổ chức quốc tế có công trong việc đề cao

con người, thừa nhận con người là nguồn lực vô tận, là nhân tố quyết định, là mục tiêu của sự phát triển. Triết lý tổng quát thường được nhắc tới là: *con người giữ vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội*. Những cách hiểu ít nhiều phiến diện như *coi tăng trưởng kinh tế đồng nghĩa với phát triển; chú trọng phát triển nhưng vô tình hoặc cố ý bỏ quên con người; nhìn con người chỉ như là công cụ, là phương tiện của sự phát triển, v.v...* bị phê phán gay gắt.

Tuyên ngôn của UNDP về phát triển con người: *“Của cải đích thực của một quốc gia là con người của quốc gia đó. Và mục đích của phát triển là để tạo ra một môi trường thuận lợi cho phép con người được hưởng cuộc sống dài lâu, khoẻ mạnh và sáng tạo. Chân lý giản đơn nhưng đầy sức mạnh này rất hay bị người ta quên mất trong lúc theo đuổi của cải vật chất và tài chính”* (28).

Phù hợp với trào lưu tiến bộ của tư tưởng nhân loại, tại Đại hội VIII, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: cần phải quán triệt quan điểm “lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững” (9, tr.85). Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 khoá VIII, còn nói rõ: “Tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người” (29, tr.56).

b. Triết lý *con người là trung tâm* của UNDP có phạm trù hạt nhân của nó là *phát triển con người*, được đưa ra năm 1990 cùng với Báo cáo đầu tiên về phát triển con người. Từ đó đến nay, Báo cáo phát triển con người (Human

Development Report) đã được UNDP xuất bản thường niên. Ngoài ra, bên cạnh Báo cáo chung của UNDP, còn có hơn 100 nước, dưới sự điều phối của UNDP, đã công bố Báo cáo Phát triển con người của riêng mình. Báo cáo của Việt Nam được xuất bản lần đầu năm 2001 với chủ đề “*Đổi mới và sự nghiệp phát triển con người*”; Năm 2007, Báo cáo phát triển con người Việt Nam tiếp theo đã được công bố.

Công lao đề xướng khái niệm *phát triển con người* được coi là thuộc về Mahbub Ul Haq, người thiết kế và chỉ đạo thực hiện Báo cáo Phát triển con người đầu tiên, năm 1990. Theo những tài liệu có liên quan (28), nội dung chủ yếu của khái niệm này thường được trình bày: 1/ Là quá trình tăng cường các khả năng (hoặc các cơ hội) cho sự lựa chọn của con người; 2/ Là sự mở rộng các lựa chọn cho mọi người. Tư tưởng về sự *tăng cường* và *mở rộng* các lựa chọn cho mọi người được giải thích như sau:

- “Phát triển con người là quá trình mở rộng các lựa chọn của dân chúng - những gì mà dân chúng làm và có thể làm trong cuộc sống của họ” (xem: 31-34).

- Các năng lực của con người cần được mở rộng bao gồm các *năng lực sinh thể* (mà trước hết là sức khỏe) và các *năng lực tinh thần* (mà trước hết là tri thức).

- Các hoạt động của con người cần được mở rộng bao gồm các *hoạt động lao động và nghỉ ngơi*. Quá trình lựa chọn này (bao gồm cả sự tự do về chính trị, việc bảo đảm các quyền con người và quyền cá nhân) được mở rộng có nghĩa là con người được sống trong môi trường mà ở đó khả năng sáng tạo, sống khỏe

manh, được học hành và trường thọ... tăng lên.

Theo các chuyên gia UNDP, con người chiếm vị thế trung tâm của sự phát triển ở đây được hiểu rất cụ thể. Trung tâm, nghĩa là con người đóng vai trò quyết định ở cả “đầu vào”, ở cả “đầu ra” và trong toàn bộ *quá trình phát triển*. Ở “đầu vào”, nhân tố quyết định sự phát triển là *vốn con người, tiềm năng con người*. Ở “đầu ra”, mục tiêu của sự phát triển là *chất lượng sống, phát triển con người, hạnh phúc con người*. Trong suốt quá trình phát triển, nhân tố quyết định là *nguồn nhân lực*, là *nguồn lao động*, con người là *động lực* của sự phát triển.

c. Theo quan điểm coi con người có vị trí trung tâm của sự phát triển, thì sẽ là không đầy đủ nếu trình độ phát triển của một xã hội chỉ được đánh giá bằng thu nhập quốc dân, bằng tốc độ tăng trưởng kinh tế, bằng số lượng của đội ngũ lao động, hay bằng các chỉ tiêu nào đó về mặt tiện nghi đời sống. Phát triển xã hội xét cho cùng là phát triển con người; ý nghĩa của mọi sự phát triển, trên thực tế, không nằm ở đâu khác ngoài sự phát triển của con người. UNDP đã phê phán, khuyến cáo những quan điểm ít nhiều phiến diện như *coi phát triển đơn thuần chỉ là phát triển kinh tế hay công nghệ; coi tăng trưởng kinh tế đồng nghĩa với phát triển; chú trọng phát triển nhưng vô tình hoặc cố ý bỏ quên con người; nhìn con người chỉ như là công cụ, là phương tiện của sự phát triển, v.v...*

d. Về bộ công cụ các chỉ số phát triển con người (HDI)

Từ năm 1990, khi công bố Báo cáo đầu tiên về phát triển con người, UNDP

đã đưa ra chỉ số phát triển con người (HDI – Human Development Index) để đo đạc những *khía cạnh cơ bản của năng lực con người*.

HDI là một hệ tiêu chí có ý nghĩa đặc biệt đối với phát triển bền vững nói chung. Hệ tiêu chí này bao gồm hàng loạt các chỉ số thể hiện chất lượng sống (phản ánh qua chỉ số kinh tế - mức thu nhập quốc dân, thu nhập quốc dân bình quân/người), năng lực sinh thể của người dân (phản ánh qua chỉ số tuổi thọ), và năng lực tinh thần của người dân (phản ánh qua chỉ số giáo dục).

- Hiện nay, trong các Báo cáo phát triển con người, số lượng các chỉ số được đo đạc đã bổ sung thêm nhiều; báo cáo 2007/2008 đã xuất hiện gần 100 chỉ số, song khi tính toán, người ta vẫn quy về 3 chỉ số cơ bản (điều kiện sống, năng lực sinh thể và năng lực tinh thần), phản ánh 3 mặt cơ bản của sự phát triển con người. Các chỉ số khác, trên thực tế, chỉ là bổ sung nhằm làm rõ những khía cạnh, những sắc thái khác nhau của 3 chỉ số cơ bản đó.

- Các chỉ số HDI có giá trị từ 0 (thấp nhất) đến 1 (cao nhất). Với các Báo cáo tính đến năm 2009, chỉ số giáo dục được coi là có giá trị bằng 1 khi 100% người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc, biết viết; bằng 0 khi 0% người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc, biết viết. Chỉ số tuổi thọ được coi là có giá trị bằng 1 khi tuổi thọ bình quân là 85 tuổi; bằng 0 khi tuổi thọ bình quân chỉ đạt 25 tuổi. Chỉ số kinh tế được coi là có giá trị bằng 1 khi GDP bình quân đầu người đạt 40.000 USD (tính theo sức mua ngang giá - PPP); bằng 0 khi GDP bình quân đầu người chỉ đạt 100 USD (tính theo PPP).

Khi đo bằng khoảng cách từ 0 đến 1, mỗi nước sẽ thấy được tiến bộ của mình so với các năm trước và so với giá trị lý tưởng là 1. Vị trí xếp hạng của mỗi nước trong bảng những nước được tính HDI cho phép mỗi nước thấy được tiến bộ mà mình đã đạt so với các nước khác. Hai đại lượng này (độ chênh lệch HDI giữa các nước và khoảng cách giữa chỉ số mà mỗi nước đã đạt được so với chỉ số lý tưởng) chính là căn cứ rất cụ thể cho phép mỗi nước hình dung được cái đích (tương đối) của sự tiến bộ còn ở phía trước bao xa.

e. Tuy nhiên, chỉ số HDI không phải là không có mặt trái của nó. Với tính khái quát và phép quy giản để tìm ra các đại lượng tương đối phản ánh đời sống vật chất, năng lực sinh thể và năng lực tinh thần của cư dân, bộ công cụ HDI có thể che giấu những hạn chế trong phát triển kinh tế, những yếu kém trong chất lượng giáo dục, những tiêu cực trong thực trạng trật tự an toàn xã hội, những hiện tượng tham nhũng trong bộ máy công quyền, hay những bất ổn trong đảm bảo an toàn giao thông công cộng...

Chỉ số phát triển con người HDI với tính hợp lý đáng kể của nó là bộ công cụ nghiên cứu khá hữu hiệu về phát triển con người được cộng đồng thế giới chấp nhận. Theo chỉ số này, sự phát triển con người Việt Nam đã đạt được những kết quả rất khả quan và đó là cơ sở hiện thực để con người Việt Nam phát triển hơn nữa. Tuy nhiên, đối với nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách xã hội, sự tỉnh táo nhất định là điều cần phải có, vì bộ công cụ HDI có thể che giấu những khiếm khuyết của sự phát triển con người trong thực tế.

TÀI LIỆU TỔNG THUẬT VÀ TRÍCH DẪN

1. K. Marx và F. Engels, Toàn tập, tập 32. H.: Chính trị quốc gia, 1997.
2. K. Marx và F. Engels, Toàn tập, tập 20. H.: Chính trị quốc gia, 1994.
3. E. B. Tylor. Primitive culture. New York: J. P. Putnam's Sons, 1871.
4. V.E. Davidovich. Dưới lăng kính triết học. H.: Chính trị quốc gia, 2002.
5. В.Е. Давидович , Ю.А. Жданов. Сущность Культуры. Р.: Ростовский Университет, Ростов-на-Дону, 1989.
6. Hồ Sĩ Quý (chủ biên). Con người và phát triển con người trong quan niệm của K. Marx và F. Engels. H.: Chính trị quốc gia, 2003.
7. http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%C3%B3a.
8. UNESCO. Mexico City Declaration on Cultural Policies. *World Conference on Cultural Policies*. Mexico City, 26 July - 6 August 1982.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. H.: Chính trị quốc gia, 1996.
10. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3. H.: Chính trị quốc gia, 2000.
11. Hồ Sĩ Quý. Về văn hóa và văn minh. H.: Chính trị quốc gia, 1999.
12. A.G. Xpirkin. Triết học xã hội, tập 2. H.: Tuyên huấn, 1989.
13. А.Г. Спиркин. *Философия*. Гардарики. М.: 2002.
14. Философский энциклопедический словарь. М.: Советская Энциклопедия, 1989.
15. Từ điển Triết học phương Tây hiện đại. H.: Khoa học xã hội, 1996.

16. Arnold Toynbee. Nghiên cứu về lịch sử (Một cách thức diễn giải). H.: Thế giới, 2002.
17. F. Engels. Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước (Chương IX. Dã man và văn minh). H.: Sự thật, 1972.
18. K. Marx và F. Engels, Toàn tập, tập 21. H.: Chính trị quốc gia, 1995.
19. Ценности. Философский энциклопедический словарь. М.: Советская Энциклопедия, 1989.
20. Ценности. Культурология XX в. Энциклопедия. *http://www.philosophy.ru/edu/ref/enc/z-ch-sh.htm#BM18001*
21. G. Endrweit, G. Trommsdorff. Từ điển xã hội học. H.: Thế giới, 2002.
22. Magoroh Maruyama. Phương thức tư duy với các nền văn hóa. Tạp chí *Người đưa tin UNSECO*, số 2, 1996.
23. Indira Gandhi. Tư duy Ấn Độ (Phát biểu tại Đại học Sorbonne, Paris trong dịp nhận bằng Tiến sĩ danh dự). Báo *Văn nghệ*, 22/1/1983.
24. K. Marx và F. Engels, Toàn tập, tập 8. H.: Chính trị quốc gia, 1993.
25. K. Marx. Bảo thảo kinh tế – triết học năm 1844.
26. K. Marx và F. Engels toàn tập, tập 42. H.: Chính trị quốc gia, 2000.
27. Hồ Sĩ Quý. Con người và phát triển con người. H.: Giáo dục, 2007.
28. UNDP. Human Development Report. 1990.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII. H.: Chính trị quốc gia, 1998.
30. Viện Khoa học xã hội Việt Nam – Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc. Báo cáo phát triển con người Việt Nam 1999-2004. Những thay đổi và những xu hướng chủ yếu. H.: Chính trị quốc gia, 2007.
31. UNDP. Human Development Report. 1990-2006.
32. Phát triển con người: từ quan niệm đến chiến lược và hành động. H.: Chính trị quốc gia, 1999.
33. Edouard Wattez. Báo cáo tại Hội thảo Phát triển con người trong quá trình đổi mới ở Việt Nam. H. 3-4/4/2000.
34. Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001. Đổi mới và sự nghiệp phát triển con người. H.: Chính trị quốc gia, 2001.